

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG /2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 06 tháng như sau:

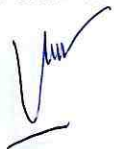
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - 06 THÁNG	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NS PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí	57,500	58,300	101,391	336,023
1.1	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,400	20,000	40,000
1.2	Phí	55,500	57,900	104,324	201,042
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	40,500	57,400	141,728	351,070
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (85%)	0,000	0,500	0,000	3,058
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	10,000	0,000	0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	5,000		0,000	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	43,425	0,000	0,000	0,000
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (85%)	34,425		0,000	0,000
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân	0,000		0,000	
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ 50%	5,000		0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (90%)	4,000		0,000	
2.1	Chi sự nghiệp KHCN				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	14,075	9,085	64,547	263,105
a	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	0,400	20,000	40,000
b	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	6,075	8,610	141,728	354,321
c	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (15%)		0,075	0,000	-
d	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	5,000	0,000	0,000	
e	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	1,000	0,000	0,000	
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	22.212,54	2.094,063	9,427	48,341
1	Chi quản lý hành chính	3.820,54	1.838,219	48,114	90,453
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.053,00	1.510,183	49,466	78,869
a	Quỹ lương + HĐLĐ NĐ68	2.389,00	1.177,371	49,283	85,684
b	Chi hoạt động	664,00	332,812	50,122	61,549
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	254,000	67,071	26,406	57,116
1.3	Kinh phí Cải cách tiền lương	494,639	242,065	48,938	
1.4	Kinh phí tiền tết	18,900	18,90	100,000	112,500
2	Nghiên cứu khoa học	18.392,00	255,844	1,391	11,125

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - 06 THÁNG	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	18.392,00	255,844	1,391	11,125
a	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 102)	12.500,00	255,844	2,047	11,125
b	10% trích tiết kiệm (Khoản 102)	285,00			
c	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 103)	5.500,00			
d	10% trích tiết kiệm (Khoản 103)	107,00			

Tây Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2020

KÊ TOÁN VP SỞ



LÊ THỊ KIỀU VÂN

PH. THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Nguyễn Minh Hiệp